



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-39

Y
JUH
TO
C
HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 17 tháng 10 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hải Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/07/2025

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phú Cường	Trưởng ban	
Bà Đường Thị Hồng Hải	Thành viên	
Bà Văn Quỳnh Nga	Thành viên	Từ ngày 30/05/2025 đến ngày 15/10/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Văn Hội – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được lập ngày 16 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao lũy kế của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, thành phố Hà Nội trong các năm trước. Nếu Công ty thực hiện ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao theo quy định thì trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025, chỉ tiêu Tài sản cố định hữu hình và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm đi cùng số tiền lần lượt là 4,75 tỷ VND và 4,15 tỷ VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2025-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		326.120.790.537	359.994.356.419
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.547.714.454	42.988.944.434
111	1. Tiền		20.547.714.454	42.988.944.434
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		206.205.005.180	226.113.927.864
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	120.928.540.595	140.140.870.199
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	87.822.936.916	76.281.433.125
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.496.645.439	11.877.192.547
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.043.117.770)	(2.185.568.007)
140	IV. Hàng tồn kho	8	86.385.234.073	77.303.081.101
141	1. Hàng tồn kho		86.385.234.073	77.303.081.101
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.982.836.830	13.588.403.020
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		12.589.392.830	13.588.403.020
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	393.444.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		263.177.755.262	285.393.996.657
220	II. Tài sản cố định		247.325.500.623	269.061.230.537
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	236.867.089.683	257.301.106.541
222	- Nguyên giá		569.325.260.854	565.083.942.143
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(332.458.171.171)	(307.782.835.602)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	10.421.315.706	11.712.171.618
225	- Nguyên giá		19.362.838.916	19.362.838.916
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.941.523.210)	(7.650.667.298)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	37.095.234	47.952.378
228	- Nguyên giá		317.650.000	317.650.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(280.554.766)	(269.697.622)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	14.805.384.787	14.805.384.787
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		14.805.384.787	14.805.384.787
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.046.869.852	1.527.381.333
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.046.869.852	1.527.381.333
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		589.298.545.799	645.388.353.076

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		355.225.755.298	416.723.943.908
310	I. Nợ ngắn hạn		276.316.682.265	325.762.518.540
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	130.336.506.835	107.238.379.288
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	2.085.136.516	5.517.947.470
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.256.029.522	7.294.442.519
314	4. Phải trả người lao động		26.749.826.983	26.267.759.238
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	31.923.048.718	27.777.673.655
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	9.217.002.555	6.370.524.799
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	66.975.685.883	142.808.005.517
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.773.445.253	2.487.786.054
330	II. Nợ dài hạn		78.909.073.033	90.961.425.368
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	78.909.073.033	90.961.425.368
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		234.072.790.501	228.664.409.168
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	234.072.790.501	228.664.409.168
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.295.340.000	122.295.340.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>122.295.340.000</i>	<i>122.295.340.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.863.334.000	25.863.334.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.448.146.918	3.448.146.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		63.299.399.251	61.771.038.257
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.166.570.332	15.286.549.993
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>-</i>	<i>15.286.549.993</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>19.166.570.332</i>	<i>-</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		589.298.545.799	645.388.353.076

Nguyễn Thùy Linh
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	760.668.251.397	782.863.020.166
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	757.660.707	755.860.749
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		759.910.590.690	782.107.159.417
11	4. Giá vốn hàng bán	24	615.734.319.647	654.698.453.359
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		144.176.271.043	127.408.706.058
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	545.279.032	395.529.182
22	7. Chi phí tài chính	26	20.559.161.874	19.127.370.851
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		19.782.444.693	18.170.423.163
25	8. Chi phí bán hàng	27	64.024.266.691	59.848.001.613
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	34.934.331.791	29.599.244.845
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.203.789.719	19.229.617.931
31	11. Thu nhập khác	29	626.239.853	250.680.597
32	12. Chi phí khác	30	1.096.995.644	210.797.660
40	13. Lợi nhuận khác		(470.755.791)	39.882.937
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.733.033.928	19.269.500.868
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	5.566.463.596	3.982.950.875
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>19.166.570.332</u>	<u>15.286.549.993</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.567	1.250

Nguyễn Thùy Linh
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

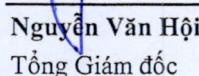
Năm 2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

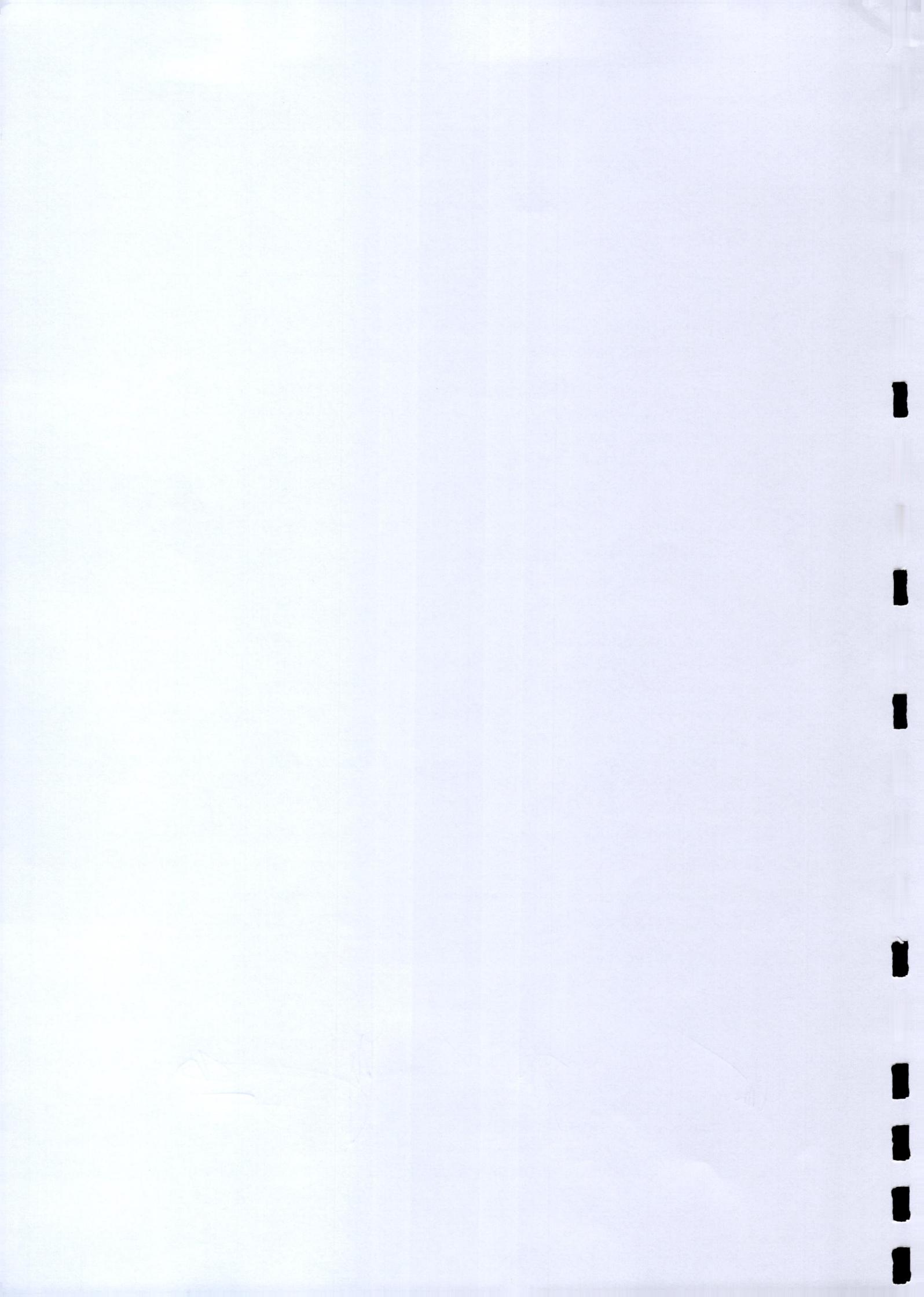
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		758.021.846.544	812.949.515.433
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(576.616.576.538)	(664.001.117.598)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(53.403.235.895)	(58.851.969.488)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(19.697.627.119)	(11.665.315.046)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.804.171.818)	(2.007.844.825)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.005.080.684	22.677.628.359
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(28.909.797.453)	(44.680.683.612)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		84.595.518.405	54.420.213.223
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.264.993.872)	(3.131.636.357)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		54.545.455	15.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		33.434.546	29.075.305
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.177.013.871)	(3.087.561.052)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		234.651.601.301	339.601.572.980
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(322.536.273.270)	(388.736.377.944)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.009.379.772)	(7.303.214.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(99.894.051.741)	(56.438.019.464)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(22.475.547.207)	(5.105.367.293)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		42.988.944.434	48.016.038.389
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		34.317.227	78.273.338
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	20.547.714.454	42.988.944.434


Nguyễn Thùy Linh
Người lập

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026


Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 17 tháng 10 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.295.340.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 122.295.340.000 VND; tương đương 12.229.534 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 338 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 373 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bánh kẹo, sô cô la, gia vị, mì ăn liền và chế biến các loại thực phẩm khác;
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu I
Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu II

Địa chỉ
Hưng Yên
Nghệ An

Hoạt động kinh doanh chính
Sản xuất thực phẩm
Sản xuất thực phẩm

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị 03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 07 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 05 - 10 năm
- Phần mềm quản lý 05 - 07 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia khi có thông báo từ BCC.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 tháng đến 36 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn, chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.256.424.103	1.770.023.369
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.291.290.351	41.218.921.065
	<u>20.547.714.454</u>	<u>42.988.944.434</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	62.215.808.263	-	67.350.487.725	-
Tổng Công ty	767.790.052	-	738.557.552	-
Mía đường I - Công ty Cổ phần				
Công ty	4.928.838.578	-	16.631.808.914	-
Thương mại tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty				
Mía Đường I - Công ty Cổ phần				
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn	54.110.717.022	-	46.611.760.875	-
Dương				
Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Viger	2.408.462.611	-	3.368.360.384	-
<i>Bên khác</i>	58.712.732.332	(4.043.117.770)	72.790.382.474	(2.185.568.007)
Công ty TNHH	6.300.553.220	-	8.405.878.524	-
Thương mại và Dịch vụ Hải Anh				
Đại lý Hoàng Thị Hiền	104.466.447	-	4.697.585.851	-
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp	5.881.895.159	-	7.712.978.734	-
Wincommerce Công ty TNHH	6.468.944.618	-	3.353.464.731	-
Thương mại Hoa Tân HN				
Phải thu khách hàng khác	39.956.872.888	(4.043.117.770)	48.620.474.634	(2.185.568.007)
	120.928.540.595	(4.043.117.770)	140.140.870.199	(2.185.568.007)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	80.156.281.568	-	72.759.850.362	-
Tổng Công ty	41.131.076.476	-	58.146.148.430	-
Mía đường I - Công ty Cổ phần				
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Thương mại tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía Đường I - CTCP	37.025.205.092	-	12.613.701.932	-
<i>Bên khác</i>	7.666.655.348	-	3.521.582.763	-
Yang Jenq	2.373.930.000	-	-	-
Machinnery				
Các đối tượng khác	5.292.725.348	-	3.521.582.763	-
	87.822.936.916	-	76.281.433.125	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	10	-	-	-
Tạm ứng	1.427.950.697	-	11.796.409.245	-
Phải thu khác	68.694.732	-	80.783.302	-
	1.496.645.439	-	11.877.192.547	-
<i>b) Chi tiết theo đối tượng</i>				
Ông Ngô Văn Phương	-	-	812.744.000	-
Bà Nguyễn Hồng Phương	143.807.704	-	2.936.263.804	-
Bà Nguyễn Hồng Anh	70.750.000	-	2.430.323.915	-
Bà Nguyễn Thu Phương	797.255.091	-	4.300.000.000	-
Đối tượng khác	484.832.644	-	1.397.860.828	-
	1.496.645.439	-	11.877.192.547	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Bà Nguyễn Hồng Phương	143.807.704	-	2.936.263.804	-
Bà Nguyễn Hồng Anh	70.750.000	-	2.430.323.915	-
Bà Nguyễn Thị Hải Tuyền	-	-	15.000.000	-
Ông Nguyễn Phú Cường	11.064.000	-	11.064.000	-
	225.621.704	-	5.392.651.719	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Nhà phân phối Hoàng Mai	502.826.814	-	502.826.814	100.565.363
- Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Trường Thịnh	407.030.760	-	407.030.760	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Minh Phát	449.838.090	-	449.838.090	-
- Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp Anh Đạt	499.664.440	-	499.664.440	-
- Các khoản khác	2.183.757.666	-	426.773.266	-
	4.043.117.770	-	2.286.133.370	100.565.363

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	60.566.524.741	-	58.049.909.032	-
Công cụ, dụng cụ	2.417.022.252	-	3.356.066.556	-
Thành phẩm	13.032.171.672	-	13.754.080.263	-
Hàng hoá	10.369.515.408	-	2.143.025.250	-
	86.385.234.073	-	77.303.081.101	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	14.805.384.787	14.805.384.787
- Công trình dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi (1)	281.583.986	281.583.986
- Công trình dự án Nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai (2)	14.523.800.801	14.523.800.801
	14.805.384.787	14.805.384.787

(1) Công trình dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi:

Trong năm 2018, Công ty thực hiện ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư số 248/HĐHTĐT ngày 10 tháng 5 năm 2018 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam ("Picensa") liên quan đến việc triển khai dự án "Văn phòng thương mại, công trình hỗn hợp, nhà ở cao tầng và thấp tầng" trên khu đất có diện tích khoảng 18.000 m² tại địa chỉ số 15 và 17 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty trao quyền cho Picensa toàn quyền thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Picensa tổ chức thực hiện, quản lý, hạch toán toàn bộ nguồn thu, nguồn chi, chi phí phát sinh liên quan đến dự án và chịu trách nhiệm về mọi rủi ro hoặc hiệu quả kinh tế của dự án; Picensa được quyền sở hữu, định đoạt các sản phẩm hình thành từ dự án, Công ty đồng ý chấp thuận chỉ nhận và hưởng lợi ích cố định từ dự án là 100 tỷ VND. Chi phí ghi nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 của dự án này bao gồm chi phí khảo sát thiết kế. Đến thời điểm hiện tại, dự án đã được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt gia hạn thời gian sử dụng đất, Công ty đã đăng ký phụ lục thuê đất tiếp theo với Sở Nông nghiệp và môi trường. Hiện nay, Công ty hiện đăng ký thực hiện dự án với UBND Thành phố Hà Nội và đang thực hiện các bước đầu để triển khai dự án.

(2) Công trình dự án nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai

Chi phí tập hợp liên quan đến dự án này bao gồm chi phí xây dựng 12,34 tỷ đồng và các chi phí tư vấn thiết kế. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt gia hạn thời gian sử dụng đất, Công ty tiếp tục thực hiện gia hạn chủ trương đầu tư và làm các thủ tục để gia hạn thời gian sử dụng đất đối với lô đất này, dự kiến dự kiến trong quý 2 năm 2026 bắt đầu triển khai xây dựng dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	218.022.363.373	327.970.280.312	17.867.068.104	1.224.230.354	565.083.942.143
- Mua trong năm	-	3.808.562.651	705.910.814	-	4.514.473.465
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(273.154.754)	-	(273.154.754)
Số dư cuối năm	218.022.363.373	331.778.842.963	18.299.824.164	1.224.230.354	569.325.260.854
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	95.397.361.055	199.033.729.270	12.127.514.923	1.224.230.354	307.782.835.602
- Khấu hao trong năm	7.936.991.848	15.713.848.283	1.297.650.193	-	24.948.490.323
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(273.154.754)	-	(273.154.754)
Số dư cuối năm	103.334.352.903	214.747.577.553	13.152.010.362	1.224.230.354	332.458.171.171
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	122.625.002.318	128.936.551.042	5.739.553.181	-	257.301.106.541
Tại ngày cuối năm	114.688.010.470	117.031.265.410	5.147.813.802	-	236.867.089.683

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 67.609.943.725 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 147.114.732.429 VND.

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Toàn bộ tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị sản xuất bánh kẹo tại Nhà máy Hải Châu I ở Hưng Yên với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là 19.362.838.916 VND và 8.941.523.210 VND. Khấu hao trong năm 2025 là 1.290.855.912 VND.

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là 317.650.000 VND và 280.554.766 VND. Khấu hao trong năm 2025 là 10.857.144 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn, cải tạo tài sản cố định	37.403.333	93.508.333
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.009.466.519	1.433.873.000
	<u>1.046.869.852</u>	<u>1.527.381.333</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>35.574.186.046</i>	<i>35.574.186.046</i>	<i>44.428.081.485</i>	<i>44.428.081.485</i>
Tổng Công ty	32.886.868.687	32.886.868.687	34.586.109.931	34.586.109.931
Mía đường I - Công ty Cổ phần				
Công ty	2.199.254.868	2.199.254.868	8.855.345.250	8.855.345.250
Thương mại tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần				
Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Viger	488.062.491	488.062.491	986.626.304	986.626.304
<i>Bên khác</i>	<i>94.762.320.789</i>	<i>94.762.320.789</i>	<i>62.810.297.803</i>	<i>62.810.297.803</i>
Công ty TNHH Văn Chương	4.110.674.229	4.110.674.229	2.811.855.376	2.811.855.376
Công ty Cổ phần Công nghệ thực phẩm Hồng Dương	6.250.308.936	6.250.308.936	6.289.405.776	6.289.405.776
Công ty TNHH Phát Đại Lợi	-	-	3.108.800.000	3.108.800.000
Công ty TNHH Muối Khánh Hòa	6.858.570.000	6.858.570.000	6.245.750.000	6.245.750.000
Công ty TNHH Thương mại H&A	28.614.091.171	28.614.091.171	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	48.928.676.453	48.928.676.453	44.354.486.651	44.354.486.651
	<u>130.336.506.835</u>	<u>130.336.506.835</u>	<u>107.238.379.288</u>	<u>107.238.379.288</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty TNHH Đức Lộc	-	700.400.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Song Phương	779.582.519	1.899.832.519
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Thành Thành Công Miền Bắc	152.000.002	1.330.000.002
- Công ty TNHH Cận Hoa	152.149.046	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.001.404.949	1.587.714.949
	<u>2.085.136.516</u>	<u>5.517.947.470</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	3.138.802.414	19.014.517.882	20.823.081.048	-	1.330.239.248
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	203.993.432	203.993.432	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.959.947.525	5.566.463.596	5.804.171.818	-	3.722.239.303
Thuế Thu nhập cá nhân	-	195.692.580	1.320.444.975	1.312.586.584	-	203.550.971
Thuế Tài nguyên	-	-	1.159.500	1.159.500	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	5.511.135.392	5.904.579.392	393.444.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	168.015.488	168.015.488	-	-
	<u>-</u>	<u>7.294.442.519</u>	<u>31.785.730.265</u>	<u>34.217.587.262</u>	<u>393.444.000</u>	<u>5.256.029.522</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	9.199.955.425	11.587.581.729
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý	15.617.303.197	13.496.068.476
- Chi phí vận chuyển	3.681.771.388	2.544.023.450
- Chi phí phải trả khác	3.424.018.708	150.000.000
	<u>31.923.048.718</u>	<u>27.777.673.655</u>

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	1.141.959.704	841.058.834
- Bảo hiểm xã hội	-	1.509.984
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	635.403.273	415.249.045
- Lãi vay phải trả	2.472.443.878	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.962.195.700	2.107.706.936
	<u>9.217.002.555</u>	<u>6.370.524.799</u>

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
	<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>

(*) Khoản tiền còn lại liên quan đến hợp đồng hợp tác của dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi, chi tiết tại Quyết minh số 9 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

19 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	136.066.956.341	136.066.956.341	217.929.084.301	287.020.354.759	66.975.685.883	66.975.685.883
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	86.125.458.101	86.125.458.101	147.849.676.323	198.781.527.121	35.193.607.303	35.193.607.303
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	49.941.498.240	49.941.498.240	70.079.407.978	88.238.827.638	31.782.078.580	31.782.078.580
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	6.741.049.176	6.741.049.176	-	6.741.049.176	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6.648.000.000	6.648.000.000	-	6.648.000.000	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	93.049.176	93.049.176	-	93.049.176	-	-
	142.808.005.517	142.808.005.517	217.929.084.301	293.761.403.935	66.975.685.883	66.975.685.883

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

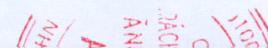
Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	17.385.582.387	17.385.582.387	-	17.385.582.387	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	144.708.278	144.708.278	-	144.708.278	-	-
- Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	28.887.638.456	28.887.638.456	4.488.446.000	-	33.376.084.456	33.376.084.456
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	26.457.012.830	26.457.012.830	-	-	26.457.012.830	26.457.012.830
- Bà Cao Hồng Liên	5.808.078.658	3.830.571.000	1.519.396.750	4.179.413.280	3.148.062.128	3.148.062.128
- Ông Cao Chiến Thắng	3.830.571.000	8.447.833.759	812.250.000	974.700.000	3.668.121.000	3.668.121.000
- Ông Nguyễn Văn Hội	8.447.833.759	26.457.012.830	1.791.313.350	6.090.465.390	4.148.681.719	4.148.681.719
- Bà Nguyễn Hồng Phương	-	-	8.111.110.900	-	8.111.110.900	8.111.110.900
	90.961.425.368	111.610.359.540	16.722.517.000	28.774.869.335	78.909.073.033	78.909.073.033
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	90.961.425.368	111.610.359.540			78.909.073.033	78.909.073.033

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	33.376.084.456	28.887.638.456
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	26.457.012.830	26.457.012.830
- Bà Cao Hồng Liên	3.148.062.128	5.808.078.658
- Ông Cao Chiến Thắng	3.668.121.000	3.830.571.000
- Ông Nguyễn Văn Hội	4.148.681.719	8.447.833.759
- Bà Nguyễn Hồng Phương	8.111.110.900	-
	78.909.073.033	73.431.134.703



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

STT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2025 (VND)	Hình thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội						
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/144344/HĐTĐ ngày 05 tháng 09 năm 2025	150.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/07/2026	Theo từng giấy nhận nợ	35.193.607.303	Tài sản bảo đảm
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng						
	Hợp đồng tín dụng số 309114.25.065.29907.TD ngày 24 tháng 07 năm 2024	130.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm, gia vị, bánh kẹo và sản phẩm khác từ bột của khách hàng	Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 03/06/2026	Theo từng giấy nhận nợ	31.782.078.580	Tài sản bảo đảm
	Tổng cộng					66.975.685.883	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2025 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả tại 31/12/2025	Hình thức bảo đảm tiền vay
I	Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần					33.376.084.456	-	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 02/2025/HC-SUGAR I ngày 01/01/2025	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8%/năm	5.386.135.200	-	Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 02/2025/HC-SUGAR I ngày 01/01/2025	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8%/năm	5.386.135.200	-	Tín chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2025/HC-SUGAR I ngày 01/01/2025	4.488.446.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8%/năm	4.488.446.000	-	Tín chấp
4	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 10/10/2021 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/10/2021	2.693.067.600	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	2.693.067.600	-	Tín chấp
5	Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 01/2022/HC-SUGAR I ngày 01/8/2022 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/08/2022	3.213.727.336	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	3.213.727.336	-	Tín chấp
6	Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 01/2024/HC-SUGARI ngày 02/01/2024	3.590.756.800	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	7,5%/năm	3.590.756.800	-	Tín chấp
7	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 02/2024/HC-SUGARI ngày 01/08/2024	4.129.370.320	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	7,5%/năm	4.129.370.320	-	Tín chấp
8	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2025/HC-SUGARI ngày 28/06/2025	4.488.446.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	7,5%/năm	4.488.446.000	-	Tín chấp

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2025 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả tại 31/12/2025	Hình thức bảo đảm tiền vay
II	Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần					26.457.012.830	-	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 772/2019/HC-SUGAR I ngày 31/12/2019 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31/12/2019	19.200.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	48 tháng và tự động gia hạn	0%	6.200.000.000	-	Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 06/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31/12/2021	13.399.360.930	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng và tự động gia hạn	0%	13.399.360.930	-	Tín chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31/12/2021	4.272.651.900	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Hưng Yên	24 tháng và tự động gia hạn	0%	4.272.651.900	-	Tín chấp
4	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2022/HC-VVKD ngày 31/03/2022 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31/03/2022	2.585.000.000	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Nghệ An	24 tháng và tự động gia hạn	0%	2.585.000.000	-	Tín chấp
III	Các khoản vay cá nhân					19.075.975.747	-	
1	Theo các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	23.071.228.297	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	19.075.975.747	-	Tín chấp

Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.780.113.253	13.602.329.204	225.989.263.375
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	15.286.549.993	15.286.549.993
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	990.925.004	(13.602.329.204)	(12.611.404.200)
Số dư cuối năm trước	<u>122.295.340.000</u>	<u>25.863.334.000</u>	<u>3.448.146.918</u>	<u>61.771.038.257</u>	<u>15.286.549.993</u>	<u>228.664.409.168</u>
Số dư đầu năm nay	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	61.771.038.257	15.286.549.993	228.664.409.168
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	19.166.570.332	19.166.570.332
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.528.360.994	(15.286.549.993)	(13.758.188.999)
Số dư cuối năm nay	<u>122.295.340.000</u>	<u>25.863.334.000</u>	<u>3.448.146.918</u>	<u>63.299.399.251</u>	<u>19.166.570.332</u>	<u>234.072.790.501</u>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 250/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 05 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	15.286.549.993
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	1.528.360.994
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	1.528.654.999
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	80,00%	12.229.534.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.295.340.000	122.295.340.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<u>122.295.340.000</u>	<u>122.295.340.000</u>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<u>122.295.340.000</u>	<u>122.295.340.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	415.249.045	4.187.419.385
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	12.229.534.000	11.251.171.280
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	12.229.534.000	11.251.171.280
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(12.009.379.772)	(7.303.214.500)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(12.009.379.772)	(7.303.214.500)
- <i>Cổ tức chuyển thành khoản vay</i>	-	(7.720.127.120)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<u>635.403.273</u>	<u>415.249.045</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.229.534	12.229.534
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.229.534	12.229.534
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.229.534	12.229.534
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	63.299.399.251	61.771.038.257
	<u>63.299.399.251</u>	<u>61.771.038.257</u>

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin chi tiết về các lô đất thuê như sau:

Vị trí	Diện tích (m ²)	Thời gian thuê
- Số 15 phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội	17.465	Đến năm 2029
- Ngõ 622 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội	1.794,6	Đến năm 2064
- Khu Đồng Thủy, Thôn Đông Khúc, Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	54.645	Đến năm 2057
- Khu Công nghiệp Đông Hồi, Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	50.000	Đến năm 2069

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	5.141,56	45.944,77
- Đồng Euro (EUR)	143,25	1.809,55

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	754.894.094.673	776.787.029.014
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.774.156.724	6.075.991.152

<u><u>760.668.251.397</u></u>	<u><u>782.863.020.166</u></u>
-------------------------------	-------------------------------

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

<u><u>50.130.928.832</u></u>	<u><u>61.135.926.594</u></u>
------------------------------	------------------------------

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	757.660.707	755.860.749

<u><u>757.660.707</u></u>	<u><u>755.860.749</u></u>
---------------------------	---------------------------

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	615.734.319.647	654.698.453.359

<u><u>615.734.319.647</u></u>	<u><u>654.698.453.359</u></u>
-------------------------------	-------------------------------

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

<u><u>192.715.009.438</u></u>	<u><u>263.423.603.871</u></u>
-------------------------------	-------------------------------

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	33.434.546	29.075.305
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	477.527.259	288.180.539
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	34.317.227	78.273.338

<u><u>545.279.032</u></u>	<u><u>395.529.182</u></u>
---------------------------	---------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.782.444.693	18.170.423.163
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	776.717.181	956.947.688
	20.559.161.874	19.127.370.851
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	11.704.009.908	7.591.246.730

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	696.362.453	810.131.906
Chi phí nhân công	13.669.367.709	15.921.258.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.380.770.476	2.381.611.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.750.184.040	13.175.398.353
Chi phí khác bằng tiền	30.527.582.013	27.559.601.851
	64.024.266.691	59.848.001.613

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	426.887.940	357.162.539
Chi phí nhân công	17.023.947.903	18.265.717.335
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.101.593.029	1.527.331.070
Thuế, phí, lệ phí	5.775.672.683	5.181.875.749
Chi phí dự phòng	1.857.549.763	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.530.879.177	2.155.285.649
Chi phí khác bằng tiền	5.217.801.296	2.111.872.503
	34.934.331.791	29.599.244.845

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	54.545.455	15.000.000
Tiền phạt thu được	-	11.682.500
Thu nhập khác	571.694.398	223.998.097
	626.239.853	250.680.597

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.031.002.380	192.440.279
Chi phí khác	65.993.264	18.357.381
	<u>1.096.995.644</u>	<u>210.797.660</u>

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.733.033.928	19.269.500.868
Các khoản điều chỉnh tăng	1.412.479.813	608.510.097
- Chi phí không hợp lệ	996.409.995	192.440.279
- Chi phí khấu hao tài sản không được trừ	416.069.818	416.069.818
Các khoản điều chỉnh giảm	(34.317.227)	(78.273.338)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(34.317.227)	(78.273.338)
Thu nhập chịu thuế TNDN	26.111.196.514	19.799.737.627
Thuế nhà thầu		23.003.350
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>5.222.239.303</u>	<u>3.982.950.875</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	344.224.293	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.959.947.525	1.984.841.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.804.171.818)	(2.007.844.825)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>3.722.239.303</u>	<u>3.959.947.525</u>

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	19.166.570.332	15.286.549.993
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	19.166.570.332	15.286.549.993
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.229.534	12.229.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.567</u>	<u>1.250</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	538.481.287.624	576.707.174.599
Chi phí nhân công	69.713.199.807	76.791.214.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.250.203.379	25.787.411.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.086.627.036	35.146.449.482
Chi phí khác bằng tiền	37.850.241.465	28.069.366.918
	<u>713.381.559.311</u>	<u>742.501.617.566</u>

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.291.290.351	-	-	19.291.290.351
Phải thu khách hàng, phải thu khác	122.425.186.034	-	-	122.425.186.034
	<u>141.716.476.385</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>141.716.476.385</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	41.218.921.065	-	-	41.218.921.065
Phải thu khách hàng, phải thu khác	149.832.494.739	-	-	149.832.494.739
	<u>191.051.415.804</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>191.051.415.804</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	145.884.758.916	-	-	145.884.758.916
Phải trả người bán, phải trả khác	139.553.509.390	-	-	139.553.509.390
Chi phí phải trả	31.923.048.718	-	-	31.923.048.718
	<u>317.361.317.024</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>317.361.317.024</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	142.808.005.517	90.961.425.368	-	233.769.430.885
Phải trả người bán, phải trả khác	113.608.904.087	-	-	113.608.904.087
Chi phí phải trả	27.777.673.655	-	-	27.777.673.655
	<u>284.194.583.259</u>	<u>90.961.425.368</u>	<u>-</u>	<u>375.156.008.627</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam (Picensa)	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị Chi nhánh của Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc là em ruột Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger Bà Cao Thị Hồng Liên Ông Cao Chiến Thắng	Công ty con của cổ đông lớn Vợ Chủ tịch Hội đồng quản trị Em vợ Chủ tịch Hội đồng quản trị
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, người quản lý khác của Công ty và người có liên quan của các cá nhân này	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu	50.130.928.832	61.135.926.594
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Viger	27.067.130 - 36.961.705.462 13.142.156.240	- 252.397.828 40.254.152.821 20.629.375.945
Mua hàng hóa, vật tư	192.715.009.438	263.423.603.871
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Viger	165.772.724.473 25.912.441.477 1.029.843.488	135.450.287.461 76.189.252.809 51.784.063.601
Lãi vay	11.704.009.908	7.591.246.730
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần Bà Cao Thị Hồng Liên Ông Cao Chiến Thắng Ông Bùi Hải Hà Bà Nguyễn Hồng Anh Ông Nguyễn Văn Hội Bà Nguyễn Hồng Phương	5.584.028.630 1.657.124.650 875.877.684 892.860.496 - 2.293.290.451 400.827.997	3.475.191.300 963.431.336 636.367.477 299.404.989 813.424.658 1.403.426.970 -

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

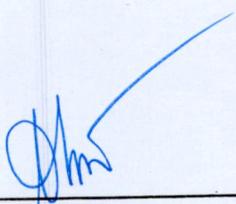
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

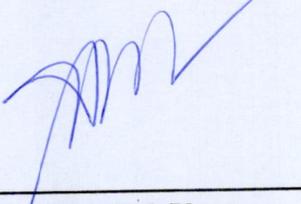
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty:		
Ông Nguyễn Văn Hội - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	832.770.000	27.000.000
Bà Nguyễn Hồng Anh - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	669.520.000	570.000.000
Bà Trần Thị Lệ Châm - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	614.620.000	531.900.000
Ông Bùi Hải Hà - Phó Tổng Giám đốc	242.310.000	250.800.000
Bà Hà Hồng Thúy - Phó Tổng Giám đốc	535.820.000	486.000.000
Bà Nguyễn Hồng Phương - Phó Tổng Giám đốc	398.270.000	360.000.000
Ông Đỗ Mạnh Cường - Phó Tổng Giám đốc	606.970.000	563.580.000
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Phó Tổng Giám đốc	596.828.877	582.806.760
Bà Nguyễn Thị Hải Tuyên - Phó Tổng Giám đốc	575.120.000	522.000.000
Thu nhập của các thành viên trong Ban Kiểm soát	180.520.000	122.805.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Thùy Linh
Người lập


Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026